

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐIT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/03/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+RC3+RP2	7:25	21+0+0	0+0+0		19+0+0	0+0+0	chuyen 3 rc3-rp2
2		TD3+BK6+RP3+TD2	7:25	10+4+6	0+0+0		2+4+8+7	0+0+0	
3		P3+P1+BK3	9:25	18+0	0+0		5+8+4	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD2 - RC3 - RP2	CREW: Nam - MTHAO - Thành -	ETA: 09:20
XANH-1		MQUÂN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN DOAI	TD2	158	1	5	60	82	KHOAN	Vietnamese
2	LE TRUNG HIEU	TD2	60	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DUY KIEN	TD2	53-54	2	11		82	KHOAN	Vietnamese
4	LE XUAN PHUONG	TD2	59	1	9		73	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN PHONG	TD2					66	KHOAN	Vietnamese
6	VO SI MINH TAN	TD2	46-47	2	10		58	KHOAN	Vietnamese
7	HO VAN HUNG	TD2	97	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN THANH	TD2	94	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
9	CAO DUC VIEN	TD2	56	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
10	TRINH QUOC KHANH	TD2	57	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN CONG HIEN	TD2	95	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN VAN THANH	TD2	62,93	2	12		56	KHOAN	Vietnamese
13	LE HUU HAU	TD2					69	KHOAN	Vietnamese
14	LE HUNG CUONG	TD2	96	1	6		100	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN QUAN	TD2	58	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
16	LE TRUONG LAM	TD2	61	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM VAN THAI	TD2	98-99	2	15		82	SCHLUMB	Vietnamese
18	LUU HO ANH	TD2	51-52	2	12		80	CODIEN	Vietnamese
19	TRAN SON TUNG	TD2	50	1	9		70	CODIEN	Vietnamese
20	TRAN MANH CUONG	TD2	155	1	13	26	70	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN HONG QUAN	TD2	48-49	2	20		71	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	25	173	1.538	86	19		CHUYEN 3 PAX RC3-RP2 CG: PHAN TRUNG THANH
2	RC3	0	0	0	0	40	0+3		
3	RP2	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	25	173	1.538	126	19		
WEIGHT KG				173	1.538	126			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/03/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+CLO	7:25	5+16	0+0		3+19	0+0	
2		CTK3+BK20+TD1	7:25	5+0+17	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 5 ctk3-bk20
3		MRM+TD3	9:25	10+10	0+0		10+12	0+0	
4		BK21+TD5	9:25	4+14	0+0		0+22	0+0	
5		CTK3+TD1+MRM	11:25	7+1+11	0+0+0		5+5+12	0+0+0	
6		P11+TD3+P1	11:25	12+6+1	0+0+0		0+10+2	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày TDL-4hg



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD5 - CLO	CREW: Nam - Sơn - Tú	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN PHONG	TD5					75	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẶNG VĂN HỒN	TD5	51	1	10	35	70	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN THUẬN	TD5	50	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	TD5	48	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	49	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
6	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	40-41	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
7	LE MẠNH THĂNG	CLO	47	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN TRUNG THÀNH	CLO	38	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	39	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	600	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	34	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	35-37	3	19		70	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ MINH TÙNG	CLO	51	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN KIM HÙNG	CLO	52	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
15	MAI THỊ HIỀN	CLO	46	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
16	BUI THAI QUI	CLO	48	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM TIẾN VINH	CLO	49	1	15		82	KHOAN	Vietnamese
18	LE THỊ CÔNG	CLO	50	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
19	NIÊM ĐỨC TUÂN	CLO	45	1	5		70	DVL	Vietnamese
20	VŨ ĐỨC HÙNG	CLO	52-53	2	12		96	T-TIN	Vietnamese
21	PHAN HỒNG SƠN	CLO	29-30	2	15		70	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	5	4	25	370	35	3		
2	CLO	16	21	138	1.205	0	19		
TOTAL		21	25	163	1.575	35	22		
WEIGHT KG				163	1.575	35			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/03/2024	TO: CTK3 - BK20 - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - M.Đức - N.Nam	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BOGDA NOV EVGENII	CTK3	15	1	5		78	KH-THAC	Russian
2	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	60	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN CHUÂN	CTK3	12	1	9		72	NIPI	Vietnamese
4	TRÌNH QUANG HUY	CTK3	13-14	2	8		73	NIPI	Vietnamese
5	PHẠM HUU TUNG	CTK3	16-17	2	8		70	SANBAY	Vietnamese
6	PHAN VIET HUNG	TD1	36	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	33	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN NGUYỄN	TD1	34	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
9	MAI XUAN TUNG	TD1	42	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
10	QUÁCH VĂN THĂNG	TD1	37	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HUU NAM	TD1	41	1	9		88	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VĂN MINH	TD1	38	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
13	VU MẠNH HAI	TD1	45	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN QUANG SANG	TD1	35	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC THĂNG	TD1	31	1	15		60	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN THANH TUẤT	TD1	32	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
17	POPOV ALEXEY	TD1	39	1	3		78	KH-THAC	Russian
18	BAM BU ROV EGOR	TD1	43	1	3		100	KH-THAC	Russian
19	KRAPIVKA VADIM	TD1	40	1	3		95	KH-THAC	Russian
20	VU VIỆT THANH	TD1					73	KH-THAC	Vietnamese
21	STESHIN VALERIY	TD1	44	1	11		167	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	5	7	35	362	03	0	6	CHUYEN 5 PAX TU CTK3 SANG BK20 + 01 pax ghe plus
2	BK20	0	0	0	0	0	0		
3	TD1	16	15	89	1.268	0	22		
TOTAL		21	22	124	1.630	0	22		
WEIGHT KG				124	1.630	0			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: MRM - TD3	CREW: Nam - Son - Tú	ETA: 11:40
XANH-2			

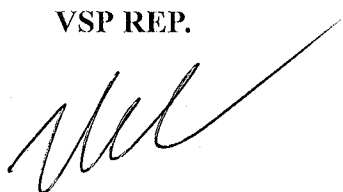
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TIKHONOV EVGENY	MRM	76-77	2	15	40	105	AMNGR	Russian
2	CHIEBYKIN KONSTANTIN	MRM	85	1	9		86	AMNGR	Russian
3	GILAEV AZAT	MRM	73	1	17		104	AMNGR	Russian
4	KRUGLOV OLEG	MRM	83-84	2	19		71	AMNGR	Russian
5	NIKOLAEV GENNADY	MRM	82	1	16		80	AMNGR	Russian
6	ZAVGORODNIY IGOR	MRM	72	1	17		64	AMNGR	Russian
7	KONANOV IVAN	MRM	78-79	2	14		66	AMNGR	Russian
8	RAKHMANOV SERGEI	MRM	80-81	2	11		65	AMNGR	Russian
9	NIKULIN ALEXANDER	MRM	74	1	18		86	AMNGR	Russian
10	ROIK NIKOLAI	MRM	75	1	12		89	AMNGR	Russian
11	TRAN CHINH CUONG	MRM	88	1	9		73	PSV	Vietnamese
12	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	TD3	89	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ SỸ HÙNG	TD3	87	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
15	BUI VĂN NGHĨA	TD3	90	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
16	LƯU QUYẾT THĂNG	TD3					67	KHOAN	Vietnamese
17	DUƠNG HOANG LONG	TD3	88	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGÔ DUY THÀNH	TD3	86	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ANH	TD3	73	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
20	VĂN TUẤN DŨNG	TD3	91	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	85	1	8		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

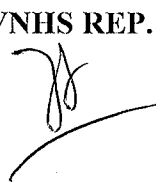
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	11	15	157	889	40	10		
2	TD3	10	8	49	721	0	12		
TOTAL		21	23	206	1.610	40	22		
WEIGHT KG				206	1.610	40			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

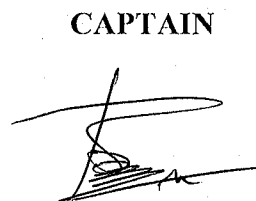
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/03/2024	TO: BK21 - TD5	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TTrung - M.Đức - NNam	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÀNG TIẾN TOÀN	BK21	82-83	2	15		77	DVL	Vietnamese
2	PHẠM HAI LONG	BK21	86	1	15	95	79	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT HÙNG	BK21	84-85	2	18	33	63	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN HAI ĐĂNG	BK21	87-88	2	20		85	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN HOANH VŨ	TD5	63	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
6	HOÀNG NGỌC DANH	TD5	56	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ HOÀNG BAO AN	TD5	66	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN HAI	TD5	55	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	62	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD5	65	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN NGUYỄN	TD5	64	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	59	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN BACH TÙNG	TD5	57	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
14	ZHDANOV VLADIMIR	TD5	61	1	15		135	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN TIẾN	TD5	60	1	4		62	PSV	Vietnamese
16	VŨ QUỐC VIỆT	TD5	58	1	3		79	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN LƯƠNG SƠN	TD5					75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	4	7	68	304	128	0		
2	TD5	13	12	73	1.020	0	22		
TOTAL		17	19	141	1.324	128	22		
WEIGHT KG				141	1.324	128			

GRAND TOTAL: 1.593 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	TO: CTK3 - TD1 - MRM	CREW: Dương - ĐNam - ĐTrung	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VIỆT TUÂN	CTK3	07	1	9		62	CUU LONG	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN HÙNG	CTK3	05	1	13		66	CUU LONG	Vietnamese
3	HOÀNG VĂN THÂN	CTK3	10	1	7		65	CUU LONG	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG BÌNH	CTK3	08	1	8		65	CUU LONG	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN SANG	CTK3	09	1	8		62	CUU LONG	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN THANH	CTK3	06	1	10		48	CUU LONG	Vietnamese
7	NGUYỄN HOÀNG AN	CTK3	03-04	2	15		60	SANBAY	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN DÂN	TD1	46	1	6	34	82	CODIEN	Vietnamese
9	ISAKOV ALEKSEI	MRM	87	1	5		109	AMNGR	Russian
10	KAZACHKOV DENIS	MRM	900	1	10		107	AMNGR	Russian
11	SELIVANOV VLADISLAV	MRM	98-99	2	17		78	AMNGR	Russian
12	DUBOGRAEV MIKHAIL	MRM	83	1	13		83	AMNGR	Russian
13	ĐẶNG VIỆT CUÔNG	MRM	40-41	2	13		63	D-HANH	Vietnamese
14	BUI ANH TU	MRM	42	1	13		71	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ NGUYỄN THANH MINH	MRM	91-92	2	14		75	KHOAN	Vietnamese
16	MAI ĐẠI HAI	MRM	89-90	2	20		68	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN NGỌC TIỀN	MRM	96	1	8		60	DVL	Vietnamese
18	POPOV A	MRM	94-95	2	20		89	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	7	8	70	428	0	5		
2	TD1	1	1	6	82	34	5		
3	MRM	10	15	133	803	0	12		
TOTAL		18	24	209	1.313	34	22		
WEIGHT KG				209	1.313	34			

GRAND TOAL: 1.556 KGS

VSP REP.

[Signature]

VNHS REP.

[Signature]

CAPTAIN

[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/03/2024	TO: P11 - TD3 - P1	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: TTrung - HTrung - Toan	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH NGỌC HUNG	P11	29	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN HAI HUNG	P11	30-31	2	23		57	XAYLAP	Vietnamese
3	HỒ TRUNG HAI	P11	37-38	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NAM	P11	41-43	3	15		70	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐỨC SINH	P11	32-33	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
6	TRƯƠNG VIỆT HẠNH	P11	39-40	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI KHÁC SƠN	P11	45-46	2	21		69	XAYLAP	Vietnamese
8	NGÔ NGỌC SỰ	P11	34-35	2	23		64	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN VĂN HỌC	P11	36	1	20		61	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THUY	P11	44	1	17		69	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN PHÚC	P11	47-48	2	22		76	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ TRỌNG VĂN	P11	49	1	6		67	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NHAN	TD3	62	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN SƠN HAI	TD3	64	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD3	97	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ THANH HAI	TD3	63	1	11		69	DVL	Vietnamese
17	ĐỖ XUÂN CÔNG	TD3	98-99	2	19		54	NHATHAU	Vietnamese
18	NGUYỄN TUẤN THANH	TD3	300	1	6		73	NHATHAU	Vietnamese
19	NGUYỄN KHANH DUY	P1					83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	12	21	214	800	0	0		
2	TD3	6	7	46	426	0	10		
3	P1	1	0	0	83	0	2		
TOTAL		19	28	260	1.309	0	12		
WEIGHT KG				260	1.309	0			

GRAND TOAL: 1.569 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP